TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NG** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2022/HS-ST
Ngày 14 - 4 - 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH K

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Đông; Ông Nguyễn Văn Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Đình Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng, tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Đàm Công Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh K xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2022/TLST – HS ngày 15 - 3 - 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HS ngày 01 – 4 - 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Th; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1987 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2 xã Tr, huyện C, tỉnh Đ; Nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện Ng, tỉnh K. Nghề nghiệp: Thợ mộc; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Hà Thị H; Anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Người sống chung như vợ chồng: Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; Con: 01 con sinh năm 2014; Tiền sự: không;

Tiền án: 01 tiền án: Bản án số 45/2014/HSST ngày 27/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Đ xử phạt 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày 06/5/2014, về tội " Giao cấu với trẻ em". Do bị án chưa thi hành phần trách nhiệm dân sự của bản án, nên chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Thế D; Địa chỉ: Thôn Ch, xã Đ, huyện Ng, tỉnh K. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Tô Xuân Ph; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Ng, tỉnh K. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Anh Bùi Văn H; Địa chỉ: Thôn7 thị trấn P, huyện Ng, tỉnh K. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng: Anh Lê Văn T; Địa chỉ: Thôn Ch, xã Đ, huyện Ng, tỉnh K. Không triệu tập do dịch covid

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Th làm nghề thợ mộc và có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Thế D, nên anh D cho Th đến xưởng mộc của anh để làm việc và cho Th mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREMM biển kiểm soát 82K2-3633 để Th làm phương tiện đi lại. Khoảng 08 giờ ngày 22/12/2021 Th đi xe mô tô mượn của anh D đến xưởng mộc làm việc, lúc này anh D mệt nên nằm ngủ trong phòng ngủ, Th ở ngoài phòng khách nhìn thấy chiếc máy cưa nhãn hiệu " MITSUYAMA TL – 7381" màu cam đen của anh D để ở góc phòng khách, Th nảy sinh ý định trộm cắp mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Th gọi điện cho Tô Xuân Ph; địa chỉ: Thôn Đ xã Đ, huyện Ng, hỏi anh Ph có mua máy cưa hay không, anh Ph nói không mua nhưng giới thiệu người mua giúp và nói Th mang cưa đến nhà để Ph gọi người mua đến xem. Th đồng ý nhưng lúc này có ông Trần Văn K đến tìm anh D để đòi nợ nên Th chưa trộm cắp được máy cưa, sau khi ông K đi về, lúc này khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày, lúc này anh D vẫn nằm trong phòng ngủ nên Th đã trộm cắp chiếc máy cưa của anh D và bỏ lên gác ba ga phía trước xe mô tô và đi đến nhà anh Ph, trên đường đi Th gặp anh Lê Văn T và có dừng lại nói chuyện với anh T ở đoạn đường bê tông bên hông trường tiểu học xã Đ, sau đó tiếp tục chở máy cưa đến nhà anh Ph tại thôn Đ xã Đ. Anh Ph gọi điện cho Bùi Văn H nói anh H đến để xem máy cưa để mua, do anh H đang bận đi làm nên hẹn khi nào về sẽ đến xem và mua. Th liền chở máy cưa về để trong nhà ông Hà Trọng S (thôn Đ xã Đ) là cậu của Th (*Th đang cư trú tại nhà của ông S*). Khoảng 12 giờ cùng ngày, anh H đến nhà anh Ph để xem cưa, anh Ph gọi điện cho Th báo đã có người xem cưa, Th đến nhà Ph dẫn anh H đến nhà ông S để thỏa thuận mua bán cưa. Th bán cho anh H chiếc máy cưa với giá 2.700.000đ. Anh H đưa đủ tiền cho Th và mang chiếc máy cưa trên về nhà. Anh D sau khi bị mất máy cưa đã nhiều lần hỏi Th nhưng Th không thừa nhận trộm cắp. Th đã dùng số tiền bán máy cưa để tiêu xài cá nhân chỉ còn lại 400.000đ. Ngày

25/12/2021 Th bị cơ quan điều tra công an huyện Ng triệu tập để làm việc, Th đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản tố tụng hình sự số 329/KL-HĐĐG ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ng kết luận: Giá trị một máy cưa“ MITSUYAMA TL – 7381” màu cam đen, chiều dài lưỡi cưa khoảng 50 cm, là: 2.500.000^{đ} *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng).*

Tại bản cáo trạng số: 09/CT- VKS ngày 14 tháng 3 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng đã truy tố đối với Nguyễn Văn Th về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 1 Điều 52 tái phạm đối với bị cáo, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “ *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* ” theo điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/12/2021. Ghi nhân sự tự nguyện bồi thường của bị cáo; Buộc bị cáo phải nộp án phí; xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Th thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhất trí với bản kết luận định giá tài sản: 329/KLHĐ ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Ng. Giá trị tài sản trộm cắp là 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*

- Người bị hại là anh Nguyễn Thế D khai tại hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt : Các tình tiết, nội dung vụ án đúng như cáo trạng đã truy tố, đồng thời anh Nguyễn Thế D cũng nhất trí với bản kết luận định giá tài sản số 329/KLHĐ ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Ng và anh trình bầy tại hồ sơ vụ án: Tôi đã được nhận lại tài sản bị mất trên, nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, tôi xin Tòa án giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Tô Xuân Ph trình bày tại hồ sơ vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt: Các tình tiết, nội dung vụ án đúng như cáo trạng đã truy tố, tôi có giới thiệu người mua máy cưa cho bị cáo bán nhưng tôi không biết đây là máy cưa bị cáo trộm cắp mà có, tôi không có ý kiến gì thêm.

- Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Văn H trình bày tại hồ sơ vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt: Các tình tiết, nội dung vụ án đúng như cáo trạng đã truy tố, tôi mua máy cưa của bị cáo với giá 2.700.000đ qua bạn là Tô Xuân Ph giới thiệu, nhưng tôi không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, tôi yêu cầu bị cáo trả lại tiền đã mua máy cưa.

- Lời khai của người làm chứng: Anh Lê Văn T trình bày tại hồ sơ vụ án: Các tình tiết, nội dung vụ án đúng như cáo trạng đã truy tố, đúng là vào khoảng 09 giờ ngày 22/12/2021 tôi có gặp bị cáo đang đi từ hướng ủy ban xã Đ đi vào đường bê tông, bên hông trường tiểu học, tôi có đứng lại nói chuyện với bị cáo và tôi nhìn thấy cái máy cưa để trên gác ba ga phía trước xe máy bị cáo điều khiển. Tôi cam đoan lời khai của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn Th thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của những người tham gia tố tụng khác: Khoảng 08 giờ ngày 22/12/2021 Thảo đi xe mô tô mượn của anh D đến xưởng mộc làm việc, lúc này anh dân mệt nên nằm ngủ trong phòng ngủ, Th ở ngoài phòng khách nhìn thấy chiếc máy cưa nhãn hiệu " MITSUYAMA TL – 7381" màu cam đen của anh D để ở góc phòng khách, Th nảy sinh ý định trộm cắp mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày, Nguyễn Văn Th đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc máy cưa nói trên rồi bán cho Bùi Văn H (địa chỉ thôn 7 thị trấn P, huyện Ng) với số tiền là 2.700.000đ. Sau khi bán máy cưa Th đã dùng số tiền trên để tiêu xài cá nhân chỉ còn lại 400.000đ.

Ngày 25/12/2021 Th bị cơ quan điều tra công an huyện Ng triệu tập để làm việc, Th đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản tố tụng hình sự số 329/KL-HĐĐG ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ng kết luận: Giá trị một máy cưa“ MITSUYAMA TL – 7381” màu cam đen, chiều dài lưỡi cưa khoảng 50 cm, là: 2.500. 000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng).*

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo thể hiện lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ ít nghiêm trọng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Chính vì vậy bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng, tỉnh K truy tố về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 1 Điều 52 tái phạm do bị cáo chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự của bản án số 45/2014 ngày 27/8/2014 của TAND huyện C nên chưa được xóa án tích, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “ *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*” theo điểm,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về áp dụng hình phạt: Căn cứ vào động cơ, mục đích, hành vi nguy hiểm cho xã hội của bị cáo, mức độ phạm tội. Xét thấy bản thân bị cáo đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Vì muốn có tiền để tiêu xài cho bản thân nên có hành vi chiếm đoạt tài sản. Tuy có 02 tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo xấu, nên Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của Viện kiểm sát về mức hình phạt và điều luật áp dụng theo khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo là có cơ sở , Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận, tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt của bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo: cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ngọc Hồi đã trả lại cho anh Nguyễn Thế D 01 (một) chiếc máy cưa nhãn hiệu “

MITSUYAMA TL – 7381” màu cam đen, lưỡi cưa có chiều dài khoảng 50cm, là đúng quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền 400.000đ do bị cáo phạm tội mà có theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001111 ngày 31/3/2022 và ủy nhiệm chi ngày 29/3/2022 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 màu xanh dương, đã qua sử dụng là công cụ dùng vào việc phạm tội.

[6] Những vấn đề khác:

- Đối với anh Tô Xuân Ph và anh Bùi Văn H là người giới thiệu máy cưa và người trực tiếp mua máy cưa của bị cáo, nhưng cả hai người đều không biết chiếc máy cưa là tài sản do trộm cắp mà có vì vậy cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Tô Xuân Ph và anh Bùi Văn H là có cơ sở.

- Đối với ông Hà Trọng S, bị cáo có mang máy cưa về nơi ở tức nhà của ông S để cất dấu chờ người mua, nhưng ông S không hề biết về hành vi trộm cắp của bị cáo, vì vậy cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông S là đúng với quy định của pháp luật.

[7]Về Trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.700.000đ đã đưa cho bị cáo, tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người liên quan anh Bùi Văn H số tiền 2.700.000đ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, điểm a khoản 1 Điều 24 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Áp dụng Điều 583, khoản 1 Điều 584, khoản 1Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử:

1.Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt Nguyễn Văn Th 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 27/12/2021.

2.**Về án phí**: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. **Về Trách nhiệm dân sự**: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo với số tiền 2.700.000đ *(Hai triệu bảy trăm nghìn đồng)* cho anh Bùi Văn H. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo chậm bồi thường khoản tiền trên thì bị cáo phải trả lãi suất là 10%/năm, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. **Về xử lý vật chứng**: Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 màu xanh dương, đã qua sử dụng, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng và cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ng.

+ Số tiền 400.000đ *(Bốn trăm nghìn đồng)* do bị cáo phạm tội mà có theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001111 ngày 31/3/2022 và ủy nhiệm chi ngày 29/3/2022 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2022 giữa Công an huyện Ng và chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng.

5. **Về quyền kháng cáo**: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14- 4 - 2022); Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sư./.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bị hại

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Người liên quan
- VKSND huyện;
- CQĐT công an huyện;
- TAND tỉnh K;
- TAND cấp cao tại Đà nẵng;
- TAND tối cao(vụ GĐKT I)
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Oanh